TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HẬU GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 15 - 7 - 2020.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Đình Nghệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Xuân Tý.
2. Bà Lê Kim Thủy.

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Tăng Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên toà:* Bà Đặng Kim Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 98/2019/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông V, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Đường N, khu vực C, phường N, thị xã B, tỉnh Hậu Giang. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Bà M, sinh năm 1975.

Địa chỉ: F, L, M, K ,J, H, Japan. (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông V trình bày: Ông và bà M kết hôn vào ngày 12 tháng 5 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng về sau nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm cuộc sống, tính tình không phù hợp. Nay ông yêu cầu được ly hôn với bà M.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thanh Thủy, sinh năm 1994; Nguyễn Thị Thanh Mỹ, sinh năm 1997 và Nguyễn Tiến Phát, sinh năm

2001. Các con đã trưởng thành và đang sống cùng với bà Mnên ông không có yêu cầu gì.

Tài sản chung và nợ chung: Ông V khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà M trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông V. Bà đồng ý với yêu cầu ly hôn của ông V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang phát biểu, trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự đã chấp hành đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông V với bà M. Riêng về con chung đã trưởng thành nên không đặt ra xem xét; tài sản chung và nợ chung, do đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn ông V, địa chỉ thường trú tại Đường N, khu vực C, phường N, thị xã B, tỉnh Hậu Giang có đơn khởi kiện xin ly hôn với bà M đang cư trú tại Nhật Bản nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, ông V và bà M đều có văn bản yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông V và bà M kết hôn vào ngày 12 tháng 5 năm 1993 tại Ủy ban nhân dân tỉnh Cần Thơ nên quan hệ hôn nhân giữa ông V và bà M là hợp pháp và được pháp luật Việt Nam thừa nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận, hôn nhân không hạnh phúc và đã đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy, sự thuận tình ly hôn của các đương sự là tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử công nhận.

[2.2] Về con chung: Đã trưởng thành không đặt ra xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông V và bà M đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 470, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Áp dụng: Điều 55, khoản 1 Điều 122 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 ;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông V với bà M.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông V phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tiền tạm ứng án phí ông V đã nộp theo biên lai thu số 0021928 ngày 13 tháng 8 năm 2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hậu Giang thành án phí.

3. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày; bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- Cục THADS tỉnh Hậu Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trương Đình Nghệ